

**PHỤ LỤC SỐ 01 - CÁC LOẠI ACCU**

Kèm theo Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số **134** -2026/HĐĐG-THA-BTN, ngày **05/9/2026**

| Số TT | Đơn vị quản lý tài sản | Số thẻ tài sản | Tên Thẻ tài sản                                                   | ĐVT  | Số lượng | Trạm đặt tài sản thu hồi              | Trạm đặt tài sản thu hồi (Địa chỉ cũ) |
|-------|------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------|------|----------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| 1     | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 23012816757    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                   | Bình | 24       | BIM-SON-BSN_THA                       | Thị xã Bim Sơn                        |
| 2     | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 23011317645    | Tổ accu 2GM300AH                                                  | Bình | 24       | BIM-SON-BSN_THA                       | Thị xã Bim Sơn                        |
| 3     | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 10015093001016 | Tổ ắc quy 200Ah -12V Gen - POSMAX GS 2000P                        | Bình | 4        | HA-TRUNG-HTG_THA                      | Thị trấn Hà Trung                     |
| 4     | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 10016123102666 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                 | Bình | 24       | HA-TRUNG-HTG_THA                      | Thị trấn Hà Trung                     |
| 5     | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 10017033102054 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                 | Bình | 24       | HA-TRUNG-HTG_THA                      | Thị trấn Hà Trung                     |
| 6     | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 10017123102852 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                                      | Bình | 48       | TRAN-PHU-BSN_THA                      | Trần Phú Bim Sơn                      |
| 7     | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 10017123103222 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                  | Bình | 24       | BIM-SON-BSN_THA                       | Thị xã Bim Sơn                        |
| 8     | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 10017123103232 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                  | Bình | 24       | HA-DONG2-HTG_THA                      | Xã Hà Đông - Hà Trung                 |
| 8.1   | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 10017123103232 | Khung giá ắc quy                                                  | Cái  | 1        | HA-DONG2-HTG_THA                      | Xã Hà Đông - Hà Trung                 |
| 9     | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 10017123103233 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                  | Bình | 24       | HA-LAM-HTG_THA                        | Xã Hà Lâm - Hà Trung                  |
| 9.1   | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 10017123103233 | Khung giá ắc quy                                                  | Cái  | 1        | HA-LAM-HTG_THA                        | Xã Hà Lâm - Hà Trung                  |
| 10    | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 10018093004385 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                  | Bình | 24       | DO-LEN-HTG_THA                        | Đồ Lèn Thị trấn Hà Trung              |
| 11    | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 10017123103016 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX),Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson | Bình | 24       | HA-VINH2-CLDC-HTG_THA                 | Xã Hà Vinh -Hà Trung                  |
| 11.1  | Tổ Hạ tầng Bim Sơn     | 10017123103016 | Khung giá ắc quy                                                  | Cái  | 1        | HA-VINH2-CLDC-HTG_THA                 | Xã Hà Vinh -Hà Trung                  |
| 12    | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc    | 23012516637    | Accu Gelvo telecom 48VDC/300Ah.                                   | Bình | 24       | QUANG-TRUNG2-NLC_THA                  | Xã Quang Trung                        |
| 12.1  | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc    | 23012516637    | Khung giá ắc quy                                                  | Cái  | 1        | QUANG-TRUNG2-NLC_THA                  | Xã Quang Trung                        |
| 13    | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc    | 23012516638    | Accu Gelvo telecom 48VDC/300Ah.                                   | Bình | 24       | CAO-THINH-NLC_THA                     | Xã Cao Thịnh                          |
| 13.1  | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc    | 23012516638    | Khung giá ắc quy                                                  | Cái  | 1        | CAO-THINH-NLC_THA                     | Xã Cao Thịnh                          |
| 14    | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc    | 23012516655    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                   | Bình | 24       | DOI-LANG-CHANH-CLDC-LCH_THA           | Đồi Lang Chánh Thị trấn LC            |
| 15    | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc    | 23011317342    | Tổ accu 2GM300AH                                                  | Bình | 24       | PHO1-NLC_THA                          | Phố 1 Thị trấn Ngọc Lặc               |
| 15.1  | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc    | 23011317342    | Khung giá ắc quy                                                  | Cái  | 1        | PHO1-NLC_THA                          | Phố 1 Thị trấn Ngọc Lặc               |
| 16    | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc    | 10015093001063 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                       | Bình | 24       | TAM-VAN-LCH_THA                       | Xã Tam Văn-Lang Chánh                 |
| 17    | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc    | 10015093001078 | Tổ ắc quy 400Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 24000                       | Bình | 24       | NGOC-KHE-NLC_THA                      | Xã Ngọc Khê                           |
| 17.1  | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc    | 10015093001078 | Khung giá ắc quy                                                  | Cái  | 1        | NGOC-KHE-NLC_THA                      | Xã Ngọc Khê                           |
| 18    | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc    | 10017033102048 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                 | Bình | 24       | MY-TAN-NLC_THA                        | Xã Mỹ Tân                             |
| 18.1  | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc    | 10017033102048 | Khung giá ắc quy                                                  | Cái  | 1        | MY-TAN-NLC_THA                        | Xã Mỹ Tân                             |
| 19    | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc    | 10017123103316 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                  | Bình | 48       | NGOC-LAC-NLC_THA;<br>NGOC-KHE-NLC_THA | Xã Ngọc Khê                           |

|      |                     |                |                                                                    |      |    |                                          |                        |
|------|---------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------|------|----|------------------------------------------|------------------------|
| 20   | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc | 10018093004410 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                   | Bình | 24 | NGOC-KHE-NLC_THA                         | Xã Ngọc Khê            |
| 20.1 | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc | 10018093004410 | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | NGOC-KHE-NLC_THA                         | Xã Ngọc Khê            |
| 21   | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc | 10018093004412 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                   | Bình | 24 | LOC-THINH-NLC_THA                        | Xã Lộc Thịnh           |
| 21.1 | Tổ Hạ tầng Ngọc Lặc | 10018093004412 | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | LOC-THINH-NLC_THA                        | Xã Lộc Thịnh           |
| 22   | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10015093001010 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                        | Bình | 24 | THONG-NHAT2-YDH_THA                      | Thống Nhất, Yên Định   |
| 22.1 | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10015093001010 | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | THONG-NHAT2-YDH_THA                      | Thống Nhất, Yên Định   |
| 23   | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10015093001013 | Tổ ắc quy 200Ah -12V Gen - POSMAX GS 2000P                         | Bình | 4  | THIEU-VU-THA_THA                         | Xã Thiệu Vũ            |
| 24   | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10015093001014 | Tổ ắc quy 200Ah -12V Gen - POSMAX GS 2000P                         | Bình | 4  | THIEU-VU-THA_THA                         | Xã Thiệu Vũ            |
| 25   | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10017033102058 | Tổ ắc quy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                 | Bình | 24 | DINH-CONG-YDH_THA                        | Xã Định Công           |
| 25.1 | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10017033102058 | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | DINH-CONG-YDH_THA                        | Xã Định Công           |
| 26   | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10017033102059 | Tổ ắc quy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                 | Bình | 24 | YEN-DINH2-YDH_THA                        | Thị trấn Yên Định      |
| 26.1 | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10017033102059 | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | YEN-DINH2-YDH_THA                        | Thị trấn Yên Định      |
| 27   | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10017123103076 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX), Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson | Bình | 24 | YEN-DINH2-YDH_THA                        | Thị trấn Yên Định      |
| 27.1 | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10017123103076 | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | YEN-DINH2-YDH_THA                        | Thị trấn Yên Định      |
| 28   | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10017123103079 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX), Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson | Bình | 24 | YEN-LAC-YDH_THA                          | Xã Yên Lạc             |
| 28.1 | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10017123103079 | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | YEN-LAC-YDH_THA                          | Xã Yên Lạc             |
| 29   | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10017123103287 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                   | Bình | 24 | YEN-TAM-YDH_THA                          | Xã Yên Tâm             |
| 29.1 | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10017123103287 | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | YEN-TAM-YDH_THA                          | Xã Yên Tâm             |
| 30   | Tổ Hạ tầng Yên Định | 10017123103323 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                   | Bình | 72 | THIEU-NGUYEN-THA_THA; THIEU-PHUC-THA_THA | Xã Thiệu Nguyên        |
| 31   | Tổ Hạ tầng Yên Định | 23011317494    | Tổ accu GFGM-24 bình, 455AH                                        | Bình | 24 | THIEU-THANH-THA_THA                      | Xã Thiệu Thành         |
| 31.1 | Tổ Hạ tầng Yên Định | 23011317494    | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | THIEU-THANH-THA_THA                      | Xã Thiệu Thành         |
| 32   | Tổ Hạ tầng Yên Định | 23011317497    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                      | Bình | 24 | THIEU-CONG-THA_THA                       | Xã Thiệu Công          |
| 32.1 | Tổ Hạ tầng Yên Định | 23011317497    | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | THIEU-CONG-THA_THA                       | Xã Thiệu Công          |
| 33   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân | 10015093000989 | Tổ ắc quy 500Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 25000                        | Bình | 24 | Trạm Quan Hóa                            | Thị trấn Quan Hóa      |
| 33.1 | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân | 10015093000989 | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | Trạm Quan Hóa                            | Thị trấn Quan Hóa      |
| 34   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân | 10015093001064 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                        | Bình | 24 | Trạm Thanh Xuân                          | Xã Thanh Xuân Quan Hóa |
| 34.1 | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân | 10015093001064 | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | Trạm Thanh Xuân                          | Xã Thanh Xuân Quan Hóa |
| 35   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân | 10015093001066 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                        | Bình | 24 | Trạm Nam Tiến                            | Xã Nam Tiến - Quan Hóa |
| 35.1 | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân | 10015093001066 | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | Trạm Nam Tiến                            | Xã Nam Tiến - Quan Hóa |

|      |                      |                |                                                                         |      |    |                           |                                   |
|------|----------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------|------|----|---------------------------|-----------------------------------|
| 36   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10015093001069 | Tổ ắc quy 200Ah -12V Gen - POSMAX GS 2000P                              | Bình | 4  | Trạm Tam Thanh            | Xã Tam Thanh - Quan Hóa           |
| 37   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10015123101488 | Tổ acquy loại 2V300A (24 bình/tổ)                                       | Bình | 24 | Trạm Cổng Trời            | Cổng Trời - Mường Lát             |
| 38   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10015123101489 | Tổ acquy loại 2V300A (24 bình/tổ)                                       | Bình | 24 | Đồi Trung Tiến            | Xã Trung Tiến                     |
| 39   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10015123101490 | Tổ acquy loại 2V300A (24 bình/tổ)                                       | Bình | 24 | Trạm Trung Tiến           | Xã Trung Tiến                     |
| 40   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10015123101496 | Acquy 300Ah-2V-Gel (24 bình/tổ)                                         | Bình | 24 | Trạm Sơn Điện CLDC        | Xã Sơn Điện - Chiếm lĩnh độ cao   |
| 41   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10016123102651 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Trạm Mường Lát 2          | Thị trấn Mường Lát                |
| 42   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10016123102653 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Trạm Đồi Khu 5            | Thị trấn Quan Hóa                 |
| 43   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10016123102654 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Trạm Đồi Quan Hoá         | Thị trấn Quan Hóa                 |
| 44   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10016123102658 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Trạm Trung Hạ             | Xã Trung Hạ, Quan Sơn             |
| 45   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10017033102038 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Trạm Trung Lý             | Xã Trung Lý, Mường Lát            |
| 46   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10017033102039 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Trạm Phú Nghiêm           | Xã Phú Nghiêm, Quan Hóa           |
| 47   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10017033102043 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Trạm CM Sơn Điện          | Xã Sơn Điện - Quan Sơn            |
| 48   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10017033102044 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Trạm Sơn Điện 2           | Xã Sơn Điện - Quan Sơn            |
| 49   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10017123103049 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 trạm Trung Thượng                               | Bình | 24 | Trạm Trung Thượng         | Xã Trung Thượng - Quan Sơn        |
| 50   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10017123103125 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                        | Bình | 24 | Trạm Phú Sơn              | Xã Phú Sơn, Quan Hóa              |
| 51   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10017123103255 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                        | Bình | 12 | Trạm Quang Chiêu          | Xã Quang Chiêu - Mường Lát        |
| 52   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10018093004429 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                        | Bình | 24 | Trạm Đồi Sơn Lư           | Xã Sơn Lư- Quan Sơn               |
| 52.1 | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10018093004429 | Khung giá ắc quy                                                        | Cái  | 1  | Trạm Đồi Sơn Lư           | Xã Sơn Lư- Quan Sơn               |
| 53   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10018093004441 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                        | Bình | 24 | Trạm Trung Xuân           | Xã Trung Xuân - Quan Hóa          |
| 54   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10018123104840 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm VT-Muong-Lat-MLT_THA | Bình | 24 | Trạm Mường Lát            | Thị trấn Mường Lát                |
| 55   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10018123104854 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm TT Quan Hóa          | Bình | 24 | Trạm Trung Sơn            | Xã Trung Sơn Quan Hoa             |
| 55.1 | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10018123104854 | Khung giá ắc quy                                                        | Cái  | 1  | Trạm Trung Sơn            | Xã Trung Sơn Quan Hoa             |
| 56   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10018123104907 | 03 Accu (12V-150Ah) Tại TTVT Quan Hóa                                   | Bình | 4  | Trạm Đồi Quan Hoá         | Thị trấn Quan Hóa                 |
| 57   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 10018123104908 | 03 Accu (12V-150Ah) Tại TTVT Quan Sơn                                   | Bình | 12 | VHX Na Mèo; Trạm Sơn Thủy | Xã Na Mèo; Trạm Sơn Thủy Quan Sơn |
| 58   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 23012816750    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                         | Bình | 24 | Trạm Pù Nhi               | Xã Pù Nhi -Mường Lát              |
| 59   | Tổ Hạ tầng Hồi Xuân  | 23012816751    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                         | Bình | 24 | Trạm Nhi Sơn              | Xã Nhi Sơn - Mường Lát            |
| 60   | Tổ Hạ tầng Hoàng Hóa | 10015093001027 | Tổ ắc quy 400Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 24000                             | Bình | 24 | Hoàng Khê                 | Xã Hoàng Khê                      |
| 61   | Tổ Hạ tầng Hoàng Hóa | 10016123102682 | Tổ acquy 48VDC/400Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Hoàng Đạo                 | Xã Hoàng Đạo                      |
| 62   | Tổ Hạ tầng Hoàng Hóa | 10017033102072 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Hoàng Đạo                 | Xã Hoàng Đạo                      |
| 63   | Tổ Hạ tầng Hoàng Hóa | 10017123102862 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                                            | Bình | 24 | Hoàng Đạo                 | Xã Hoàng Đạo                      |

|    |                      |                |                                                                        |      |    |                       |                             |
|----|----------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------|------|----|-----------------------|-----------------------------|
| 64 | Tổ Hạ tầng Hoảng Hóa | 10017123103021 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX), Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson     | Bình | 24 | Hoảng Giang           | Xã Hoảng Giang              |
| 65 | Tổ Hạ tầng Hoảng Hóa | 10017123103022 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX), Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson     | Bình | 24 | Hoảng Đạo             | Xã Hoảng Đạo                |
| 66 | Tổ Hạ tầng Hoảng Hóa | 10017123103267 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                       | Bình | 24 | Hoảng Đạo             | Xã Hoảng Đạo                |
| 67 | Tổ Hạ tầng Hoảng Hóa | 10017123103313 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                       | Bình | 24 | Hoảng Đạo             | Xã Hoảng Đạo                |
| 68 | Tổ Hạ tầng Hoảng Hóa | 10018093004394 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                       | Bình | 24 | Hoảng Đông            | Xã Hoảng Đông               |
| 69 | Tổ Hạ tầng Hoảng Hóa | 10018093004395 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                       | Bình | 24 | Hoảng Đạo             | Xã Hoảng Đạo                |
| 70 | Tổ Hạ tầng Hoảng Hóa | 10018123104837 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm Hoang-Thanh-HHA_THA | Bình | 24 | Hoảng Đạo             | Xã Hoảng Đạo                |
| 71 | Tổ Hạ tầng Hoảng Hóa | 23011317297    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                          | Bình | 24 | Hoảng Hợp             | Xã Hoảng Hợp                |
| 72 | Tổ Hạ tầng Hoảng Hóa | 23012616688    | Accu Gelvo telecom 48VDC/300Ah.                                        | Bình | 24 | Hoảng Minh            | Xã Hoảng Minh               |
| 73 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10015093001002 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                            | Bình | 24 | CAM-PHONG-CTY_THA     | Xã Cẩm Phong                |
| 74 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10015093001003 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                            | Bình | 24 | CAM-LONG2-CTY_THA     | Xã Cẩm Long                 |
| 75 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10015093001058 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                            | Bình | 24 | VNPT-Dong-Tam-BTC_THA | Đồng Tâm Bá Thước           |
| 76 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10015123101447 | Tổ acquy loại 2V300A (24 bình/tổ)                                      | Bình | 24 | CAM-CHAU-CTY_THA      | Xã Cẩm Châu                 |
| 77 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10015123101485 | Tổ acquy loại 2V400A (24 bình/tổ)                                      | Bình | 24 | KY-TAN2-BTC_THA       | Xã Kỳ Tân - Bá Thước        |
| 78 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10016123102656 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                      | Bình | 24 | TAN-LAP-BTC_THA       | Xã Tân Lập -Bá Thước        |
| 79 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10016123102657 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                      | Bình | 24 | LUONG-NOI2-BTC_THA    | Xã Lương Nội Bá Thước       |
| 80 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10016123102662 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                      | Bình | 24 | CAM-BINH-CTY_THA      | Xã Cẩm Bình                 |
| 81 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10017033102051 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                      | Bình | 24 | CAM-QUY-CTY_THA       | Xã Cẩm Quý                  |
| 82 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10017033102090 | 01 Tổ Accu 2V-300Ah-Gel                                                | Bình | 24 | CAM-THACH-CTY_THA     | Xã Cẩm Thạch                |
| 83 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10017123102872 | Accu 400Ah HZY2-400(HAZE)2V                                            | Bình | 24 | CAM-THUY-CTY_THA      | Thị trấn Cẩm Thủy           |
| 84 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10017123103013 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX),                                      | Bình | 24 | CAM-THUY2-CTY_THA     | Thị trấn Cẩm Thủy           |
| 85 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10017123103309 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                       | Bình | 24 | CAM-TU-CTY_THA        | Xã Cẩm Tú                   |
| 86 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10018093004375 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                       | Bình | 24 | CAM-NGOC-CLDC-CTY_THA | Xã Cẩm Ngọc                 |
| 87 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 10018093004377 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                       | Bình | 24 | CAM-CHAU-CTY_THA      | Xã Cẩm Châu                 |
| 88 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 23011317190    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                          | Bình | 24 | LUONG-NGOAI-BTC_THA   | Xã Lương Ngoại Bá Thước     |
| 89 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 23011317191    | Tổ accu GFGM-275AH                                                     | Bình | 24 | VNPT-Dien-Lu-BTC_THA  | Xã Điện Lư- Bá Thước        |
| 90 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 23011317201    | Tổ accu GFGM-275AH                                                     | Bình | 24 | THIET-ONG1-BTC_THA    | Xã Thiết Ống -Bá Thước      |
| 91 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 23011317203    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                          | Bình | 24 | BA-THUOC-BTC_THA      | Thị trấn Cảnh Nàng Bá Thước |
| 92 | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy  | 23011317207    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                          | Bình | 24 | CANH-NANG-BTC_THA     | Thị trấn Cảnh Nàng Bá Thước |

|       |                     |                |                                                                      |      |    |                                                    |                            |
|-------|---------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------|------|----|----------------------------------------------------|----------------------------|
| 93    | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy | 23011317209    | Tổ accu 2GM300AH                                                     | Bình | 24 | CAM-PHONG-CTY_THA                                  | Xã Cẩm Phong               |
| 94    | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy | 23012516647    | Accu Gelvo telecom 48VDC/300Ah.                                      | Bình | 24 | CAM-TAM-CTY_THA                                    | Xã Cẩm Tâm                 |
| 95    | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy | 23012516651    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                      | Bình | 24 | DIEN-HA-BTC_THA                                    | Xã Điện Hạ Bá Thước        |
| 96    | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy | 23012516652    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                      | Bình | 24 | DIEN-TRUNG-BTC_THA                                 | Xã Điện Trung - Bá Thước   |
| 97    | Tổ Hạ tầng Cẩm Thủy | 23012816759    | Accu Gelvo telecom 48VDC/300Ah.                                      | Bình | 24 | BAN-CONG-BTC_THA                                   | Xã Ban Công Bá Thước       |
| 98    | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 23011317272    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                        | Bình | 24 | HAI-LOC-HLC-THA                                    | Xã Hải Lộc -Hậu Lộc        |
| 99    | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 23011317274    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                        | Bình | 24 | TIEN-LOC-HLC-THA                                   | Xã Tiến Lộc - Hậu Lộc      |
| 100   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10018123104849 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm Nga-Thạch-NSN_THA | Bình | 24 | NGA-THACH-NSN-THA                                  | Xã Nga Thạch               |
| 101   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10015123101438 | Tổ acquy loại 2V300A (24 bình/tổ)                                    | Bình | 24 | CAU-LOC-HLC-THA                                    | Xã Cầu Lộc - Hậu Lộc       |
| 102   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10015123101439 | Tổ acquy loại 2V400A (24 bình/tổ)                                    | Bình | 24 | DAI-LOC-HLC-THA                                    | Xã Đại Lộc- Hậu Lộc        |
| 103   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10016123102685 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                    | Bình | 24 | DAI-LOC-HLC-THA                                    | Xã Đại Lộc- Hậu Lộc        |
| 104   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10016123102687 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                    | Bình | 24 | NGA-DIEN-NSN_THA                                   | Xã Nga Điện                |
| 105   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10017033102074 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                    | Bình | 24 | CM-HOALOC-HLC-THA                                  | Xã Hoa Lộc Hậu Lộc         |
| 106   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10017123102871 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                                         | Bình | 24 | HAU-LOC-HLC-THA                                    | Thị trấn Hậu Lộc - Hậu Lộc |
| 106.1 | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10017123102871 | Khung giá ắc quy                                                     | Cái  | 1  | HAU-LOC-HLC-THA                                    | Thị trấn Hậu Lộc - Hậu Lộc |
| 107   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10017123103235 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                     | Bình | 24 | MY-LOC2-HLC-THA                                    | Xã Mỹ Lộc -Hậu Lộc         |
| 108   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10017123103238 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                     | Bình | 24 | PHONG-LOC-HLC-THA                                  | Xã Phong Lộc -Hậu Lộc      |
| 109   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10017123103239 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                     | Bình | 24 | QUANG-LOC-HLC-THA                                  | Xã Quang Lộc -Hậu Lộc      |
| 109.1 | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10017123103239 | Khung giá ắc quy                                                     | Cái  | 1  | QUANG-LOC-HLC-THA                                  | Xã Quang Lộc -Hậu Lộc      |
| 110   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10017123103312 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                     | Bình | 48 | LIEN-LOC-HLC-THA                                   | Xã Liên Lộc -Hậu Lộc       |
| 111   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10017123103315 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                     | Bình | 24 | NGA-NHAN-NSN_THA                                   | Xã Nga Nhân                |
| 112   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10017123103411 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                     | Bình | 24 | NGA-TRUONG-NSN-THA                                 | Xã Nga Trường              |
| 113   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10018093004387 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                     | Bình | 24 | HAI-LOC-HLC-THA;CM-HOALOC-HLC-THA;LIEN-LOC-HLC-THA | Xã Hải Lộc -Hậu Lộc        |
| 114   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10018093004388 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                     | Bình | 24 | PHONG-LOC-HLC-THA                                  | Xã Phong Lộc -Hậu Lộc      |
| 115   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10018093004389 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                     | Bình | 24 | LIEN-LOC-HLC-THA                                   | xã Liên Lộc -Hậu Lộc       |
| 116   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10018093004390 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                     | Bình | 24 | CAU-LOC-HLC-THA                                    | Xa Cầu Lộc - Hậu Lộc       |
| 117   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10018093004391 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                     | Bình | 24 | LIEN-LOC-HLC-THA                                   | Xã Liên Lộc - Hậu Lộc      |
| 118   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10018093004406 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                     | Bình | 24 | NGA-TIEN-NSN_THA                                   | Xã Nga Tiến                |
| 119   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn  | 10018123104848 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm Nga-Linh-NSN_THA  | Bình | 24 | NGA-THANG-NSN-THA                                  | Xã Nga Thắng               |

|       |                      |                |                                                                                             |      |    |                                                 |                                 |
|-------|----------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------|----|-------------------------------------------------|---------------------------------|
| 120   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn   | 10018123104902 | 02 Accu (12V-150Ah) Tại TTVT Nga Sơn                                                        | Bình | 8  | NGA-THIEN-NSN-THA                               | Xa Nga Thiện                    |
| 121   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn   | 23011317321    | Tổ accu GFMG-24 bình, 455AH                                                                 | Bình | 18 | NGA-TAN-NSN_THA                                 | Xa Nga Tân                      |
| 122   | Tổ Hạ tầng Nga Sơn   | 23011317326    | Tổ accu GFGM-275AH                                                                          | Bình | 24 | NGA-THAI-NSN_THA                                | Xã Nga Thái                     |
| 123   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10017123102876 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                                                                | Bình | 24 | THACH-THANH-TTH_THA                             | Thị trấn Kim Tân<br>Thạch Thành |
| 124   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10015123101461 | Tổ acquy loại 2V300A (24 bình/tổ)                                                           | Bình | 24 | THACH-THANH-TTH_THA                             | Thị trấn Kim Tân<br>Thạch Thành |
| 125   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10015123101499 | Acquy 300Ah-2V-Gel (24 bình/tổ)                                                             | Bình | 24 | THANH-TAM-TTH_THA                               | Xã Thành Tâm -<br>Thạch Thành   |
| 126   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10017123103149 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 24 | THANH-LONG-CLDC-TTH_THA                         | Xã Thành Long -<br>Thạch Thành  |
| 127   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10017123103152 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 24 | VINH-QUANG-CLDC-VLC_THA                         | Xã Vĩnh Quang                   |
| 128   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10017123103273 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 24 | THANH-HUNG-CLDC-TTH_THA                         | Xã Thành Hưng-<br>Thạch Thành   |
| 129   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10017123103274 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 24 | THACH-QUANG-TTH_THA                             | Xã Thạch Quảng -<br>Thạch Thành |
| 130   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10017123103285 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 24 | VINH-LOC-VLC_THA                                | Thị trấn Vĩnh Lộc               |
| 131   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10017123103286 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 24 | VINH-LOC-VLC_THA                                | Thị trấn Vĩnh Lộc               |
| 132   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10017123103321 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 24 | THACH-LONG-TTH_THA                              | Xã Thạch Long -<br>Thạch Thành  |
| 133   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10017123103322 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 24 | VNPT-Thanh-Long-CM-TTH_THA                      | Thị trấn Vĩnh Lộc               |
| 134   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10017123103328 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 48 | VINH-HOA-VLC_THA;<br>VNPT-Thanh-Long-CM-TTH_THA | Xã Vĩnh Hòa                     |
| 135   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10018123104871 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm Vinh-Yen-VLC_THA                         | Bình | 24 | VINH-YEN-VLC_THA                                | Xã Vĩnh Yên                     |
| 136   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10018123104872 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm Vinh-Hung-VLC_THA                        | Bình | 24 | VINH-KHANG-VLC_THA                              | Xã Vĩnh Khang                   |
| 137   | Tổ Hạ tầng Vĩnh Lộc  | 10018123104910 | 01 Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson (03 Rec/Tủ) và 03 Accu (12V-150Ah) Tại TTVT Thạch Thành | Bình | 4  | THACH-THANH-TTH_THA                             | Thị trấn Kim Tân<br>Thạch Thành |
| 138   | Tổ hạ tầng Nông công | 23011317397    | Tổ accu 2GM300AH                                                                            | Bình | 24 | Tân Phúc                                        | Nông Công                       |
| 139   | Tổ hạ tầng Nông công | 10018093004399 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                                            | Bình | 24 | Tân Khang                                       | Nông Công                       |
| 140   | Tổ hạ tầng Nông công | 10018123104847 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm Truong-Trung-NCG_THA                     | Bình | 24 | Trường Trung                                    | Nông Công                       |
| 141   | Tổ hạ tầng Nông công | 10017033102080 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                                           | Bình | 24 | Minh Nghĩa                                      | Nông Công                       |
| 141.1 | Tổ hạ tầng Nông công | 10017033102080 | Khung giá ắc quy                                                                            | Cái  | 1  | Minh Nghĩa                                      | Nông Công                       |
| 142   | Tổ hạ tầng Nông công | 10017123102875 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                                                                | Bình | 12 | Vạn Thiện                                       | Nông Công                       |
| 143   | Tổ hạ tầng Nông công | 10017123103143 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 24 | Tượng Lĩnh                                      | Nông Công                       |
| 143.1 | Tổ hạ tầng Nông công | 10017123103143 | Khung giá ắc quy                                                                            | Cái  | 1  | Tượng Lĩnh                                      | Nông Công                       |
| 144   | Tổ hạ tầng Nông công | 10018093004404 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                                            | Bình | 24 | Thăng Thọ                                       | Nông Công                       |

|       |                      |                |                                                                    |      |    |                          |           |
|-------|----------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------|------|----|--------------------------|-----------|
| 145   | Tổ hạ tầng Nông công | 10018103104476 | Tổ Accu Haze 2V-500Ah-Gel (24 bình/tổ)                             | Bình | 24 | Nông Công                | Nông Công |
| 145.1 | Tổ hạ tầng Nông công | 10018103104476 | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | Nông Công                | Nông Công |
| 146   | Tổ hạ tầng Nông công | 23011317407    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                      | Bình | 24 | Trường Minh              | Nông Công |
| 147   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10015093001039 | Tổ ắc quy 500Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 25000                        | Bình | 24 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn | Nghi Sơn  |
| 147   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10015093001040 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                        | Bình | 24 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn | Nghi Sơn  |
| 148   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10015123101472 | Tổ acquy loại 2V300A (24 bình/tổ)                                  | Bình | 24 | Mai Lâm                  | Nghi Sơn  |
| 149   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10015123101476 | Tổ acquy loại 2V400A (24 bình/tổ)                                  | Bình | 24 | Bình Minh                | Nghi Sơn  |
| 150   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10015123101506 | Acquy 300Ah-2V-Gel (24 bình/tổ)                                    | Bình | 24 | Hải Lĩnh                 | Nghi Sơn  |
| 151   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10016123102647 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                  | Bình | 24 | Nghi Sơn                 | Nghi Sơn  |
| 152   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10016123102649 | Tổ acquy 48VDC/400Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                  | Bình | 24 | Chuột Chù                | Nghi Sơn  |
| 153   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017033102031 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                  | Bình | 24 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn | Nghi Sơn  |
| 154   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017033102033 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                  | Bình | 24 | Hải Bình                 | Nghi Sơn  |
| 155   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017033102034 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                  | Bình | 24 | Đảo Nghi Sơn             | Nghi Sơn  |
| 156   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017123102854 | Accu 300Ah HZY2-300 (24 bình/tổ) (HAZE)                            | Bình | 24 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn | Nghi Sơn  |
| 156.1 | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017123102854 | Khung giá ắc quy                                                   | Cái  | 1  | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn | Nghi Sơn  |
| 157   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017123102855 | Accu 300Ah HZY2-300(HAZE)2V                                        | Bình | 24 | Anh Phát                 | Nghi Sơn  |
| 158   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017123102856 | Accu 300Ah HZY2-300(HAZE)2V                                        | Bình | 24 | Nhiệt Điện               | Nghi Sơn  |
| 159   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017123102857 | Accu 300Ah HZY2-300(HAZE)2V                                        | Bình | 24 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn | Nghi Sơn  |
| 160   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017123102860 | Accu 300Ah HZY2-300(HAZE)2V                                        | Bình | 17 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn | Nghi Sơn  |
| 161   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017123103055 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX), Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson | Bình | 24 | Nguyên Bình              | Nghi Sơn  |
| 162   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017123103056 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX), Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson | Bình | 24 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn | Nghi Sơn  |
| 163   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017123103058 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX), Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson | Bình | 23 | Mai Lâm                  | Nghi Sơn  |
| 164   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017123103059 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX), Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson | Bình | 24 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn | Nghi Sơn  |
| 165   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017123103060 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX), Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson | Bình | 24 | Anh Sơn                  | Nghi Sơn  |
| 166   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10017123103271 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                   | Bình | 24 | Nguyên Bình              | Nghi Sơn  |
| 167   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10018093004430 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                   | Bình | 24 | Nguyên Bình              | Nghi Sơn  |
| 168   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10018093004432 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                   | Bình | 24 | Hải Lĩnh                 | Nghi Sơn  |
| 169   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn  | 10018123104858 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm Phu-Lam-TGA_THA | Bình | 24 | Xuân Lâm                 | Nghi Sơn  |

|       |                     |                |                                                                         |      |    |                          |          |
|-------|---------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------|------|----|--------------------------|----------|
| 169.1 | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 10018123104858 | Khung giá ắc quy                                                        | Cái  | 1  | Xuân Lâm                 | Nghi Sơn |
| 170   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 10018123104859 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm Xa-Bình-Minh-TGA THA | Bình | 24 | Đào Nghi Sơn             | Nghi Sơn |
| 171   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 230101013471   | Accu chì axit kiểu kín không cần bảo dưỡng.                             | Bình | 24 | Xuân Lâm                 | Nghi Sơn |
| 172   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011214332    | Tổ Accu OpzV 490- 48V-500AH -Host Tĩnh Gia                              | Bình | 24 | Phú Lâm                  | Nghi Sơn |
| 173   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23012516633    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                         | Bình | 24 | Chợ Kho                  | Nghi Sơn |
| 174   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23012516634    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                         | Bình | 23 | Ngọc Lĩnh                | Nghi Sơn |
| 175   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23012516635    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                         | Bình | 24 | Hải Bình                 | Nghi Sơn |
| 176   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23012416646    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                         | Bình | 24 | Các Sơn                  | Nghi Sơn |
| 177   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317540    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                           | Bình | 24 | Hải An                   | Nghi Sơn |
| 178   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317542    | Tổ accu GFMG-275AH                                                      | Bình | 24 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn | Nghi Sơn |
| 179   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317544    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                           | Bình | 24 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn | Nghi Sơn |
| 180   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317547    | Tổ accu 2GM300AH                                                        | Bình | 24 | Tĩnh Hải                 | Nghi Sơn |
| 181   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317548    | Tổ accu 2GM300AH                                                        | Bình | 24 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn | Nghi Sơn |
| 182   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317555    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                           | Bình | 24 | Công Thanh               | Nghi Sơn |
| 182.1 | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317555    | Khung giá ắc quy                                                        | Cái  | 1  | Công Thanh               | Nghi Sơn |
| 183   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317556    | Narada 24 bình, 265AH                                                   | Bình | 24 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn | Nghi Sơn |
| 184   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317559    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                           | Bình | 24 | Tân Trường               | Nghi Sơn |
| 184.1 | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317559    | Khung giá ắc quy                                                        | Cái  | 1  | Tân Trường               | Nghi Sơn |
| 185   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317561    | Tổ accu GFGM-24 bình, 455AH                                             | Bình | 24 | Thanh Sơn                | Nghi Sơn |
| 186   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317562    | Tổ accu GFGM-24 bình, 455AH                                             | Bình | 24 | Thanh Thủy               | Nghi Sơn |
| 186.1 | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317562    | Khung giá ắc quy                                                        | Cái  | 1  | Thanh Thủy               | Nghi Sơn |
| 187   | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317566    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                           | Bình | 24 | Tĩnh Hải                 | Nghi Sơn |
| 187.1 | Tổ hạ tầng Nghi Sơn | 23011317566    | Khung giá ắc quy                                                        | Cái  | 1  | Tĩnh Hải                 | Nghi Sơn |
| 188   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn  | 10017033102035 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Sầm Sơn                  | Sầm Sơn  |
| 189   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn  | 10017033102036 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Quảng Cư                 | Sầm Sơn  |
| 190   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn  | 10017033102037 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Quảng Vinh               | Sầm Sơn  |
| 191   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn  | 10017033102084 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Quảng Định               | Sầm Sơn  |
| 191.1 | Tổ hạ tầng Sầm Sơn  | 10017033102084 | Khung giá ắc quy                                                        | Cái  | 1  | Quảng Định               | Sầm Sơn  |
| 192   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn  | 10017033102085 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                       | Bình | 24 | Quảng Trường             | Sầm Sơn  |
| 192.1 | Tổ hạ tầng Sầm Sơn  | 10017033102085 | Khung giá ắc quy                                                        | Cái  | 1  |                          |          |
| 193   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn  | 10017033102086 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện g                     | Bình | 24 | Quảng Yên                | Sầm Sơn  |

|       |                    |                |                                                                           |      |    |               |         |
|-------|--------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|------|----|---------------|---------|
| 194   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123102864 | Accu 300Ah HZY2-300 (HAZE)                                                | Bình | 24 | Thanh Bình    | Sầm Sơn |
| 195   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123102865 | Accu 300Ah HZY2-300 (HAZE)                                                | Bình | 24 | Hòn Trống Mái | Sầm Sơn |
| 196   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123102866 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                                              | Bình | 24 | Hải Yên       | Sầm Sơn |
| 197   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123102867 | Accu 300Ah HZY2-300                                                       | Bình | 24 | Quảng Đại     | Sầm Sơn |
| 198   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123102869 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                                              | Bình | 24 | Quảng Xương   | Sầm Sơn |
| 198.1 | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123102869 | Khung giá ắc quy                                                          | Cái  | 1  | Quảng Xương   | Sầm Sơn |
| 199   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10018123104855 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm Cap-Quang-Bien-SSN_THA | Bình | 24 | Quảng Cư      | Sầm Sơn |
| 200   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103260 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                          | Bình | 24 | Quảng Bình    | Sầm Sơn |
| 200.1 | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103260 | Khung giá ắc quy                                                          | Cái  | 1  | Quảng Bình    | Sầm Sơn |
| 201   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103261 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                          | Bình | 24 | Quảng Nham    | Sầm Sơn |
| 202   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103262 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                          | Bình | 24 | Quảng Thái    | Sầm Sơn |
| 202.1 | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103262 | Khung giá ắc quy                                                          | Cái  | 1  | Quảng Thái    | Sầm Sơn |
| 203   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103263 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                          | Bình | 24 | Quảng Lưu     | Sầm Sơn |
| 203.1 | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103263 | Khung giá ắc quy                                                          | Cái  | 1  | Quảng Lưu     | Sầm Sơn |
| 204   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103264 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                          | Bình | 21 | Quảng Lưu     | Sầm Sơn |
| 205   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103265 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                          | Bình | 23 | Hồ Xuân Hương | Sầm Sơn |
| 206   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103266 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                          | Bình | 24 | Ngô Văn Sở    | Sầm Sơn |
| 207   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103268 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                          | Bình | 24 | Núi Trường Lệ | Sầm Sơn |
| 208   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103269 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                          | Bình | 24 | FLC           | Sầm Sơn |
| 209   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103270 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                          | Bình | 24 | Quảng Vinh    | Sầm Sơn |
| 210   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103414 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                          | Bình | 24 | Nam Hạng      | Sầm Sơn |
| 211   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10017123103415 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                          | Bình | 24 | Nhấn Đức      | Sầm Sơn |
| 212   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10018093004421 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                          | Bình | 24 | Quảng Nhân    | Sầm Sơn |
| 212.1 | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10018093004421 | Khung giá ắc quy                                                          | Cái  | 1  | Quảng Nhân    | Sầm Sơn |
| 213   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10018093004423 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                          | Bình | 24 | Chợ Hội       | Sầm Sơn |
| 213.1 | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10018093004423 | Khung giá ắc quy                                                          | Cái  | 1  | Chợ Hội       | Sầm Sơn |
| 214   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10018093004426 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                          | Bình | 24 | Quảng Tân     | Sầm Sơn |
| 214.1 | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10018093004426 | Khung giá ắc quy                                                          | Cái  | 1  | Quảng Tân     | Sầm Sơn |
| 215   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn | 10018123104856 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm KS-Minh-Hanh-SSN_THA   | Bình | 24 | Minh Hạnh     | Sầm Sơn |

|       |                      |                |                                                                                             |      |    |               |           |
|-------|----------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------|----|---------------|-----------|
| 215.1 | Tổ hạ tầng Sầm Sơn   | 10018123104856 | Khung giá ắc quy                                                                            | Cái  | 1  | Minh Hạnh     | Sầm Sơn   |
| 216   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn   | 10018123104909 | 02 Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson (03 Rec/Tủ) và 03 Accu (12V-150Ah) Tại TTVT Quảng Xương | Bình | 8  | Quảng Hợp     | Sầm Sơn   |
| 217   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn   | 23011214334    | Tổ Accu OpzV 490- 48V-500AH -Host Vĩnh Lộc                                                  | Bình | 24 | Quảng Lợi     | Sầm Sơn   |
| 218   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn   | 10016123102650 | Tổ acquy 48VDC/400Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                                           | Bình | 24 | Quảng Cư      | Sầm Sơn   |
| 219   | Tổ hạ tầng Sầm Sơn   | 10018093004428 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                                            | Bình | 24 | Hòn Trống Mái | Sầm Sơn   |
| 220   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 10015123101492 | Acquy 300Ah-2V-Gel (24 bình/tổ)                                                             | Bình | 24 | Xuân Khang    | Như Thanh |
| 221   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 10016123102693 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                                           | Bình | 24 | Như Thanh     | Như Thanh |
| 222   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 10017033102077 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                                           | Bình | 24 | Như Xuân      | Như Thanh |
| 223   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 10017033102078 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                                           | Bình | 24 | Phú Nhuận     | Như Thanh |
| 224   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 10017033102079 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                                           | Bình | 24 | Như Thanh     | Như Thanh |
| 225   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 10017123103041 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX), Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson                          | Bình | 24 | Phú Nhuận     | Như Thanh |
| 225.1 | Tổ hạ tầng Như Thanh | 10017123103041 | Khung giá ắc quy                                                                            | Cái  | 1  | Phú Nhuận     | Như Thanh |
| 226   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 10017123103123 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 24 | Tân Bình      | Như Thanh |
| 227   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 10017123103146 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 24 | Xuân Thái     | Như Thanh |
| 228   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 10017123103254 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 24 | Thanh Xuân    | Như Thanh |
| 229   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 10017123103317 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                                            | Bình | 24 | Hải Vân       | Như Thanh |
| 230   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 23012316399    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                                             | Bình | 24 | Hóa Quý       | Như Thanh |
| 231   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 23012316400    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                                             | Bình | 24 | Hóa Quý       | Như Thanh |
| 232   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 23012316404    | Accu Gelvo telecom 48VDC/300Ah.                                                             | Bình | 24 | Xuân Khang    | Như Thanh |
| 233   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 23011317359    | Tổ accu 2GM300AH                                                                            | Bình | 24 | Mậu Lâm       | Như Thanh |
| 234   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 23011317360    | Tổ accu Narada 24 bình, 260AH                                                               | Bình | 24 | Như Thanh     | Như Thanh |
| 235   | Tổ hạ tầng Như Thanh | 23011317382    | Tổ accu GFGM-275AH                                                                          | Bình | 24 | Cát Tân       | Như Thanh |
| 236   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10015093000994 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                                                 | Bình | 24 | Dân Lực       | Triệu Sơn |
| 237   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10015093000995 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                                                 | Bình | 24 | Dân Lực       | Triệu Sơn |
| 238   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10015093000997 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                                                 | Bình | 24 | Triệu Sơn     | Triệu Sơn |
| 239   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10015123101441 | Tổ acquy loại 2V300A (24 bình/tổ)                                                           | Bình | 24 | Dân Lực       | Triệu Sơn |
| 240   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10015123101442 | Tổ acquy loại 2V300A (24 bình/tổ)                                                           | Bình | 24 | Dân Lực       | Triệu Sơn |
| 241   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10015123101452 | Tổ acquy loại 2V400A (24 bình/tổ)                                                           | Bình | 24 | Thiệu Viên    | Triệu Sơn |
| 242   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10016123102677 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                                           | Bình | 24 | Dân Lực       | Triệu Sơn |

|       |                      |                |                                                                     |      |    |             |              |
|-------|----------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------|------|----|-------------|--------------|
| 243   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10016123102679 | Tổ acquy 48VDC/400Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                   | Bình | 24 | Dân Lực     | Triệu Sơn    |
| 244   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10017033102066 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                   | Bình | 24 | Dân Lực     | Triệu Sơn    |
| 245   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10017033102067 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                   | Bình | 24 | Dân Lực     | Triệu Sơn    |
| 246   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10017033102092 | 01 Tổ Accu 2V-300Ah-Gel                                             | Bình | 24 | Dân Lực     | Triệu Sơn    |
| 247   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10017123102877 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                                        | Bình | 24 | Dân Lực     | Triệu Sơn    |
| 248   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10017123103283 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                    | Bình | 24 | Thọ Tân     | Triệu Sơn    |
| 249   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10017123103284 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                    | Bình | 24 | Nông Trường | Triệu Sơn    |
| 250   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10017123103418 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                    | Bình | 24 | Ba Chè      | Triệu Sơn    |
| 251   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10018093004448 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                    | Bình | 24 | Nura        | Triệu Sơn    |
| 252   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10018093004449 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                    | Bình | 24 | Đồng Lợi    | Triệu Sơn    |
| 253   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10018093004450 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                    | Bình | 24 | Dân Lực     | Triệu Sơn    |
| 254   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10018123104869 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm Cho-Sim-TSN_THA  | Bình | 24 | Dân Lực     | Triệu Sơn    |
| 255   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 10018123104870 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm Van-Son2-TSN_THA | Bình | 24 | Dân Lực     | Triệu Sơn    |
| 256   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 23011214335    | Tổ Accu OpzV 490- 48V-500AH - Host Triệu Sơn                        | Bình | 24 | Hợp Lý      | Triệu Sơn    |
| 257   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 23011317639    | Tổ accu Shoto 150AH                                                 | Bình | 8  | Dân Lực     | Triệu Sơn    |
| 258   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 23012816758    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                     | Bình | 24 | Thọ Cường   | Triệu Sơn    |
| 259   | Tổ hạ tầng Triệu Sơn | 23012916958    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                     | Bình | 24 | Dân Lực     | Triệu Sơn    |
| 260   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093000984 | Tổ ắc quy 500Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 25000                         | Bình | 24 | Hạc Thành   | TP Thanh Hóa |
| 261   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093000987 | Tổ ắc quy 500Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 25000                         | Bình | 24 | Hạc Thành   | TP Thanh Hóa |
| 262   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123102833 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                                        | Bình | 24 | Hạc Thành   | TP Thanh Hóa |
| 263   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093001012 | Tổ ắc quy 200Ah -12V Gen - POSMAX GS 2000P                          | Bình | 4  | Đông Tiến   | TP Thanh Hóa |
| 264   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093001030 | Tổ ắc quy 200Ah -12V Gen - POSMAX GS 2000P                          | Bình | 4  | Đông Tiến   | TP Thanh Hóa |
| 264.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093001030 | Khung giá ắc quy                                                    | Cái  | 1  | Đông Tiến   | TP Thanh Hóa |
| 265   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093001031 | Tổ ắc quy 200Ah -12V Gen - POSMAX GS 2000P                          | Bình | 4  | Đông Phú    | TP Thanh Hóa |
| 265.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093001031 | Khung giá ắc quy                                                    | Cái  | 1  | Đông Phú    | TP Thanh Hóa |
| 266   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093001036 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                         | Bình | 24 | Cầu Cao     | TP Thanh Hóa |
| 267   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093001070 | Tổ ắc quy 400Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 24000                         | Bình | 24 | Đông Vinh   | TP Thanh Hóa |
| 268   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093001075 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                         | Bình | 24 | Hoảng Lý    | TP Thanh Hóa |
| 269   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015123101427 | Tổ acquy loại 2V300A (24 bình/tổ)                                   | Bình | 24 | Đông Minh   | TP Thanh Hóa |
| 270   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10016123102641 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                   | Bình | 24 | Làng SOS    | TP Thanh Hóa |

|       |                      |                |                                                   |      |    |                    |              |
|-------|----------------------|----------------|---------------------------------------------------|------|----|--------------------|--------------|
| 271   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10016123102642 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện | Bình | 24 | Lê Lai             | TP Thanh Hóa |
| 272   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10016123102643 | Tổ acquy 48VDC/400Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện | Bình | 24 | Hải Thượng Lãn Ông | TP Thanh Hóa |
| 273   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10016123102644 | Tổ acquy 48VDC/400Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện | Bình | 24 | Quảng Thành        | TP Thanh Hóa |
| 274   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10016123102696 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện | Bình | 24 | Quảng Thành        | TP Thanh Hóa |
| 274.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10016123102696 | Khung giá ắc quy                                  | Cái  | 1  | Quảng Thành        | TP Thanh Hóa |
| 275   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10016123102697 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện | Bình | 24 | Đông Minh          | TP Thanh Hóa |
| 276   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017033102016 | Tổ acquy 48VDC/400Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện | Bình | 24 | Thiệu Dương        | TP Thanh Hóa |
| 276.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017033102016 | Khung giá ắc quy                                  | Cái  | 1  | Thiệu Dương        | TP Thanh Hóa |
| 277   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017033102023 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện | Bình | 24 | Quảng Thành        | TP Thanh Hóa |
| 278   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017033102024 | Tổ acquy 48VDC/400Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện | Bình | 24 | Tân Hương          | TP Thanh Hóa |
| 279   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017033102025 | Tổ acquy 48VDC/400Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện | Bình | 24 | Quảng Phú          | TP Thanh Hóa |
| 280   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017033102026 | Tổ acquy 48VDC/400Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện | Bình | 24 | Bào Ngoại          | TP Thanh Hóa |
| 281   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017033102027 | Tổ acquy 48VDC/400Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện | Bình | 24 | Quảng Thành        | TP Thanh Hóa |
| 282   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017033102082 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện | Bình | 24 | Đông Yên           | TP Thanh Hóa |
| 282.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017033102082 | Khung giá ắc quy                                  | Cái  | 1  | Đông Yên           | TP Thanh Hóa |
| 283   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123102830 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                      | Bình | 24 | Hoảng Lý           | TP Thanh Hóa |
| 283.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123102830 | Khung giá ắc quy                                  | Cái  | 1  | Hoảng Lý           | TP Thanh Hóa |
| 284   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123102831 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                      | Bình | 24 | Phú Liên           | TP Thanh Hóa |
| 284.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123102831 | Khung giá ắc quy                                  | Cái  | 1  | Phú Liên           | TP Thanh Hóa |
| 285   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093001029 | Tổ ắc quy 400Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 24000       | Bình | 24 | Thiệu Dương        | TP Thanh Hóa |
| 285.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093001029 | Khung giá ắc quy                                  | Cái  | 1  | Thiệu Dương        | TP Thanh Hóa |
| 286   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123102834 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                      | Bình | 24 | Hoảng Lý           | TP Thanh Hóa |
| 287   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123102835 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                      | Bình | 24 | Ba Voi             | TP Thanh Hóa |
| 288   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093001071 | Tổ ắc quy 400Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 24000       | Bình | 24 | Hải Thượng Lãn Ông | TP Thanh Hóa |
| 289   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10015093001072 | Tổ ắc quy 400Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 24000       | Bình | 24 | Tân Hương          | TP Thanh Hóa |
| 290   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123102842 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                      | Bình | 24 | Cầu Cao            | TP Thanh Hóa |
| 291   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017033102015 | Tổ acquy 48VDC/400Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện | Bình | 24 | Tân Hương          | TP Thanh Hóa |
| 292   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017033102014 | Tổ acquy 48VDC/400ah (24 bình V/tổ) kèm phụ kiện  | Bình | 24 | Bào Ngoại          | TP Thanh Hóa |
| 293   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123102851 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                      | Bình | 48 | Trạm Quảng         | TP Thanh Hóa |
| 294   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123102870 | Accu 400Ah HZY2-400 (HAZE)2V                      | Bình | 24 | Đông Minh          | TP Thanh Hóa |

|       |                      |                |                                                                       |      |    |                 |              |
|-------|----------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------|------|----|-----------------|--------------|
| 295   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103006 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX), Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson    | Bình | 24 | Hoàng Lý        | TP Thanh Hóa |
| 295.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103006 | Khung giá ắc quy                                                      | Cái  | 1  | Hoàng Lý        | TP Thanh Hóa |
| 296   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103009 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX),                                     | Bình | 24 | Hoàng Lý        | TP Thanh Hóa |
| 297   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103011 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX),                                     | Bình | 24 | Đông Cương      | TP Thanh Hóa |
| 297.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103011 | Khung giá ắc quy                                                      | Cái  | 1  | Đông Cương      | TP Thanh Hóa |
| 298   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103026 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX), Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson    | Bình | 24 | Quảng Phú       | TP Thanh Hóa |
| 299   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103028 | Tổ Accu 300Ah PNGB23000 (POSMAX), Tủ nguồn NetSure 731 A41 Emerson    | Bình | 24 | Tân Hương       | TP Thanh Hóa |
| 300   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103218 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                      | Bình | 24 | Hoàng Lý        | TP Thanh Hóa |
| 301   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103219 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                      | Bình | 24 | Đông Hòa        | TP Thanh Hóa |
| 301.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103219 | Khung giá ắc quy                                                      | Cái  | 1  | Đông Hòa        | TP Thanh Hóa |
| 302   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103230 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                      | Bình | 24 | Hoàng Lý        | TP Thanh Hóa |
| 302.2 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103230 | Khung giá ắc quy                                                      | Cái  | 1  | Hoàng Lý        | TP Thanh Hóa |
| 303   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103241 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                      | Bình | 24 | Quảng Thành     | TP Thanh Hóa |
| 304   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103242 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                      | Bình | 24 | Trần Bình Trọng | TP Thanh Hóa |
| 305   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103243 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                      | Bình | 24 | Lê Hữu Phước    | TP Thanh Hóa |
| 306   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103245 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                      | Bình | 24 | Thanh Quảng     | TP Thanh Hóa |
| 307   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103307 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                      | Bình | 48 | Hoàng Lý        | TP Thanh Hóa |
| 307.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103307 | Khung giá ắc quy                                                      | Cái  | 2  | Hoàng Lý        | TP Thanh Hóa |
| 308   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103331 | Accu 400Ah GFMJ-400 (Interpower)                                      | Bình | 24 | Tân Hương       | TP Thanh Hóa |
| 309   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103407 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                      | Bình | 24 | Hoàng Lý        | TP Thanh Hóa |
| 310   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103408 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                      | Bình | 48 | Nam Ngạn        | TP Thanh Hóa |
| 310.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103408 | Khung giá ắc quy                                                      | Cái  | 2  | Nam Ngạn        | TP Thanh Hóa |
| 311   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10018093004378 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                      | Bình | 24 | Đông Hòa        | TP Thanh Hóa |
| 311.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10018093004378 | Khung giá ắc quy                                                      | Cái  | 1  | Đông Hòa        | TP Thanh Hóa |
| 312   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10018093004380 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                      | Bình | 24 | Đông Nam        | TP Thanh Hóa |
| 312.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10018093004380 | Khung giá ắc quy                                                      | Cái  | 1  | Đông Nam        | TP Thanh Hóa |
| 313   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10018093004381 | Tổ Accu 2V-48/300Ah (24 bình/Tổ)                                      | Bình | 24 | Đông Quang      | TP Thanh Hóa |
| 314   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10018123104830 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm Dong-Thanh-DSN_THA | Bình | 24 | Đông Thanh      | TP Thanh Hóa |
| 315   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103220 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                      | Bình | 24 | Hoàng Lý        | TP Thanh Hóa |

|       |                      |                |                                                                     |      |       |                    |              |
|-------|----------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------|------|-------|--------------------|--------------|
| 315.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 10017123103220 | Khung giá ắc quy                                                    | Cái  | 1     | Hoàng Lý           | TP Thanh Hóa |
| 316   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 23011317570    | Tổ accu GFGM-275AH                                                  | Bình | 24    | Thành Thái 2       | TP Thanh Hóa |
| 316.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 23011317570    | Khung giá ắc quy                                                    | Cái  | 1     | Thành Thái 2       | TP Thanh Hóa |
| 317   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 23012616683    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                     | Bình | 24    | Đô Thị Bình Minh 2 | TP Thanh Hóa |
| 317.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 23012616683    | Khung giá ắc quy                                                    | Cái  | 1     | Đô Thị Bình Minh 2 | TP Thanh Hóa |
| 318   | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 23012616684    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                     | Bình | 24    | Hoàng Lý           | TP Thanh Hóa |
| 318.1 | Tổ hạ tầng Hạc Thành | 23012616684    | Khung giá ắc quy                                                    | Cái  | 1     | Hoàng Lý           | TP Thanh Hóa |
| 319   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 10015093000992 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                         | Bình | 24    | Mục Sơn            | Thọ Xuân     |
| 320   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 10015093000993 | Tổ ắc quy 300Ah -2V Gen - POSMAX PNGB 23000                         | Bình | 24    | Xuân Phú           | Thọ Xuân     |
| 321   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 10015123101437 | Tổ acquy loại 2V400A (24 bình/tổ)                                   | Bình | 24    | Xuân Lai           | Thọ Xuân     |
| 322   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 10016123102672 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                   | Bình | 24    | Xuân Châu          | Thọ Xuân     |
| 323   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 10016123102673 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                   | Bình | 24    | Xuân Giang         | Thọ Xuân     |
| 324   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 10017033102061 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                   | Bình | 24    | Xuân Trường        | Thọ Xuân     |
| 325   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 10017033102063 | Tổ acquy 48VDC/300Ah (24 bình 2V/tổ) kèm phụ kiện                   | Bình | 24    | Thọ Lâm            | Thọ Xuân     |
| 326   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 10017123103129 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                    | Bình | 24    | Ngọc Phụng         | Thọ Xuân     |
| 327   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 10017123103130 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                    | Bình | 24    | Luận Khê           | Thọ Xuân     |
| 328   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 10017123103151 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                    | Bình | 24    | Yên Nhân           | Thọ Xuân     |
| 329   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 10017123103275 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX)                                    | Bình | 24    | Phú Yên            | Thọ Xuân     |
| 330   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 10018123104862 | Accu 2V-300Ah PNGB23000 (POSMAX) (24 bình/Tổ) Trạm Muc-Son2-TXN_THA | Bình | 24    | Thọ Lâm            | Thọ Xuân     |
| 331   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 23011317523    | Tổ accu Shoto 150AH                                                 | Bình | 8     | Xuân Tín           | Thọ Xuân     |
| 332   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 23011317533    | GFGM-24 bình, 455AH                                                 | Bình | 24    | Khe Hạ             | Thọ Xuân     |
| 333   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 23011317538    | Tổ accu Narada 24 bình, 500AH                                       | Bình | 24    | Tân Thành          | Thọ Xuân     |
| 334   | Tổ hạ tầng Thọ Xuân  | 23012516650    | Accu Gelvo telecom 48VDC/400Ah.                                     | Bình | 24    | Nam Giang          | Thọ Xuân     |
|       |                      |                | Tổng SL bình accu                                                   |      | 7,957 |                    |              |
|       |                      |                | Tổng SL khung giá                                                   |      | 67    |                    |              |